

## ●40. VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

### A – MỤC TIÊU

Giúp HS ôn :

- Bảng đơn vị đo độ dài.
- Quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề và quan hệ giữa một số đơn vị đo thông dụng.
- Luyện tập viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân theo các đơn vị đo khác nhau.

### B – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng đơn vị đo độ dài kẻ sẵn, để trống một số ô.

### C – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

#### 1. Ôn lại hệ thống đơn vị đo độ dài

a) GV cho HS nêu lại các đơn vị đo độ dài đã học lần lượt từ lớn đến bé.

km	hm	dam	m	dm	cm	mm
----	----	-----	---	----	----	----

b) HS nêu quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề, ví dụ :

$$1\text{km} = 10\text{hm}$$

$$1\text{hm} = \frac{1}{10}\text{km} = 0,1\text{km}.$$

...

$$1\text{m} = 10\text{dm}$$

$$1\text{dm} = \frac{1}{10}\text{m} = 0,1\text{m}.$$

GV yêu cầu HS nghĩ và phát biểu nhận xét chung (khái quát hoá) về quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề. HS phát biểu, sau đó thảo luận và đi đến câu phát biểu chính xác, chẳng hạn :

Mỗi đơn vị đo độ dài gấp 10 lần đơn vị liền sau nó.

Mỗi đơn vị đo độ dài bằng một phần mười (bằng 0,1) đơn vị liền trước nó.

c) GV cho HS nêu quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài thông dụng, ví dụ :

$$1\text{km} = 1000\text{m} \qquad 1\text{m} = \frac{1}{1000}\text{km} = 0,001\text{km}.$$

$$1\text{m} = 100\text{cm} \qquad 1\text{cm} = \frac{1}{100}\text{m} = 0,01\text{m}.$$

$$1\text{m} = 1000\text{mm} \qquad 1\text{mm} = \frac{1}{1000}\text{m} = 0,001\text{m}.$$

## 2. Ví dụ

– GV nêu ví dụ 1 : Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$6\text{m } 4\text{dm} = \dots \text{ m}.$$

Một vài HS nêu cách làm :  $6\text{m } 4\text{dm} = 6\frac{4}{10}\text{m} = 6,4\text{m}.$

Vậy :  $6\text{m } 4\text{dm} = 6,4\text{m}.$

Làm tương tự với ví dụ 2.

– GV có thể cho HS làm tiếp vài ví dụ, chẳng hạn :

$$8\text{dm } 3\text{cm} = \dots \text{ dm}$$

$$8\text{m } 23\text{cm} = \dots \text{ m}$$

$$8\text{m } 4\text{cm} = \dots \text{ m}$$

HS nêu cách làm. Kết quả :

$$8\text{dm } 3\text{cm} = 8\frac{3}{10}\text{dm} = 8,3\text{dm}$$

$$8\text{m } 23\text{cm} = 8\frac{23}{100}\text{m} = 8,23\text{m}$$

$$8\text{m } 4\text{cm} = 8\frac{4}{100}\text{m} = 8,04\text{m}.$$

## 3. Thực hành

**Bài 1 :** HS tự làm vào vở, GV giúp các HS học yếu. Sau đó cả lớp thống nhất kết quả.

$$\text{a) } 8\text{m } 6\text{dm} = 8\frac{6}{10}\text{m} = 8,6\text{m} ;$$

$$\text{b) } 2\text{dm } 2\text{cm} = 2\frac{2}{10}\text{dm} = 2,2\text{dm} ;$$

$$\text{c) } 3\text{m } 7\text{cm} = 3\frac{7}{100}\text{m} = 3,07\text{m} ;$$

$$\text{d) } 23\text{m } 13\text{cm} = 23\frac{13}{100}\text{m} = 23,13\text{m}.$$

**Bài 2 :**

a) GV cho HS làm chung ý đầu tiên. HS đọc đề bài và phân tích : Viết 3m 4dm dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét, tức là viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm : 3m 4dm = ... m.

$$\text{Ta có } 3\text{m } 4\text{dm} = 3\frac{4}{10}\text{m} = 3,4\text{m}.$$

HS tự làm các ý còn lại.

$$2\text{m } 5\text{cm} = 2\frac{5}{100}\text{m} = 2,05\text{m} ;$$

$$21\text{m } 36\text{cm} = 21\frac{36}{100}\text{m} = 21,36\text{m}.$$

$$\text{b) } 8\text{dm } 7\text{cm} = 8\frac{7}{10}\text{dm} = 8,7\text{dm} ;$$

$$4\text{dm } 32\text{mm} = 4\frac{32}{100}\text{dm} = 4,32\text{dm} ;$$

$$73\text{mm} = \frac{73}{100}\text{dm} = 0,73\text{dm}.$$

**Bài 3 :** HS tự làm bài, sau đó cả lớp thống nhất kết quả :

$$\text{a) } 5\text{km } 302\text{m} = 5\frac{302}{1000}\text{km} = 5,302\text{km} ;$$

$$\text{b) } 5\text{km } 75\text{m} = 5\frac{75}{1000}\text{km} = 5,075\text{km} ;$$

$$\text{c) } 302\text{m} = \frac{302}{1000}\text{km} = 0,302\text{km}.$$